

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 481/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Mẫn

Bà Đặng Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận G, Thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23-9-2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 03-6-2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3469/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-8-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Kim L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 165/2 đường C, phường F, Quận G, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Trí T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 165/27 đường C, phường F, Quận G, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai bà Đào Thị Kim L là nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Huỳnh Trí T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường F, Quận G (Giấy chứng nhận kết hôn số 7, quyền số 1999/Q1 ngày 26-02-1999).

Sau thời gian chung sống, bà nhận ra ông T thường hay tụ tập cờ bạc, hút chích, nhiều lần bà khuyên nhủ, can ngăn nhưng ông T không thay đổi. Đến năm 2017, vợ chồng không còn qua lại với nhau, bà L về nhà cha mẹ sống đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà L yêu cầu ly hôn ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Ông Huỳnh Trí T là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với bị đơn là ông Huỳnh Trí T, cư trú tại: Số 165/27 đường C, phường F, Quận G, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố H.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Đào Thị Kim L và ông Huỳnh Trí T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, Quận G (Giấy chứng nhận kết hôn số 7, quyển số 1999/Q1 ngày 26-02-1999) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn:

[5] Theo nguyên đơn trình bày: Sau thời gian chung sống, nguyên đơn phát hiện bị đơn thường hay tụ tập cờ bạc, hút chích, nguyên đơn nhiều lần khuyên nhủ, can ngăn nhưng bị đơn không thay đổi. Đến năm 2007, vợ chồng sống ly thân đến nay. Phía bị đơn vắng mặt không đến Tòa án để trình bày ý kiến mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc từ hai phía. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thể hiện bị đơn không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Nguyên đơn khai không có

[7] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí 300.000 đồng. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đào Thị Kim L ly hôn ông Huỳnh Trí T (Giấy chứng nhận kết hôn số 7, quyền số 1999/Q1 do Ủy ban nhân dân phường F, Quận G cấp ngày 26-02-1999).

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí AA/2018/0007572 ngày 19-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G; Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./ .

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh Trâm